

KINH TẾ SỐ VIỆT NAM VÀ KHẢ NĂNG HỘI NHẬP KHU VỰC THÔNG QUA HIỆP ĐỊNH KHUNG VỀ KINH TẾ SỐ ASEAN DEFA

NGUYỄN XUÂN ĐẠO¹ - ĐỖ HOÀNG OANH^{1*}

1 Khoa Kinh tế quốc tế - Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

Faculty of International Economics, Ho Chi Minh University of Banking

* Tác giả liên hệ - Email: oanhdh@hub.edu.vn/ - Email: daonx@hub.edu.vn/

Ngày nhận bài: 5/6/2026

Ngày sửa bài: 22/6/2026

Ngày duyệt đăng bài: 6/7/2026

Tóm tắt:

Bài viết phân tích tác động tiềm năng của Hiệp định Khung về Kinh tế số ASEAN (DEFA) đối với kinh tế số Việt Nam trong bối cảnh hội nhập số khu vực ngày càng sâu rộng. Thông qua mô hình PESTEL, bài viết đánh giá mức độ sẵn sàng của Việt Nam từ các khía cạnh thể chế, thị trường, xã hội, công nghệ, pháp lý và môi trường. Kết quả cho thấy DEFA có thể tạo thêm động lực để Việt Nam mở rộng thương mại số, tăng cường quản trị dữ liệu, thu hút đầu tư vào hạ tầng số và cải thiện năng lực số. Tuy nhiên, khả năng tận dụng hiệp định còn phụ thuộc vào việc xử lý các hạn chế trong nước, đặc biệt là phối hợp chính sách, hạ tầng số, an ninh mạng và năng lực số của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bài viết cho thấy, DEFA nên được nhìn nhận như một động lực giúp Việt Nam nâng cấp kinh tế số theo hướng cạnh tranh, an toàn và bền vững hơn.

Từ khóa: Hiệp định Khung về Kinh tế số ASEAN, DEFA, kinh tế số, Việt Nam, mô hình PESTEL.

Vietnam's digital economy and prospects for regional integration through the ASEAN Digital Economy Framework Agreement

Abstract:

This study examines the potential effects of the ASEAN Digital Economy Framework Agreement on Vietnam's digital economy amid deeper regional digital integration. Using a qualitative approach based on secondary-document analysis, policy comparison, and the PESTEL framework, the study assesses Vietnam's readiness from political, economic, social, technological, environmental, and legal perspectives. The findings indicate that the agreement could support digital trade expansion, stronger data governance, increased investment in digital infrastructure, and improved digital capabilities. However, Vietnam's ability to benefit from these opportunities depends on addressing domestic constraints, particularly fragmented policy coordination, infrastructure gaps, cybersecurity risks, and the limited digital capacity of small and medium-sized enterprises. The study views the agreement as a catalyst for upgrading Vietnam's digital economy toward greater competitiveness, security, integration, and sustainability.

Keywords: ASEAN Digital Economy Framework Agreement, DEFA, digital economy, Vietnam, PESTEL framework.

1. Đặt vấn đề

Công nghệ số đang làm thay đổi cách nền kinh tế vận hành từ sản xuất, phân phối đến tiêu dùng và quản trị. Khi dữ liệu, nền tảng trực tuyến và kết nối xuyên biên giới ngày càng giữ vai trò trung tâm, năng lực số trở thành yếu tố quan trọng giúp các quốc gia duy trì lợi thế cạnh tranh và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực. Đối với Việt Nam, kinh tế số đang ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực. Theo Bộ Thông tin và Truyền thông (2024), kinh tế số năm 2024 ước chiếm 18,3% GDP và tăng trên 20% so với năm 2023. Báo cáo của Google, Temasek và Bain & Company (2024) cũng ước tính quy mô kinh tế số Việt Nam đạt 36 tỷ USD trong năm 2024, với sự đóng góp nổi bật từ thương mại điện tử, thanh toán số, du lịch trực tuyến và các dịch vụ nền tảng.

Trong bối cảnh đó, Hiệp định Khung về Kinh tế số ASEAN DEFA được xem là khuôn khổ quan trọng đối với tiến trình hội nhập số của Việt Nam. Bài viết sử dụng mô hình PESTEL để phân tích khả năng thích ứng của Việt Nam trước các yêu cầu của DEFA trên các phương diện thể chế, thị trường, xã hội, công nghệ, pháp lý và môi trường. Cách tiếp cận này giúp làm rõ cơ hội, rào cản và điều kiện cần thiết để Việt Nam chuyển hóa DEFA thành lợi ích kinh tế thực chất.

2. Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu về kinh tế số thường nhấn mạnh vai trò của công nghệ, dữ liệu và nền tảng số trong việc hình thành mô hình tăng trưởng mới. Google, Temasek và Bain & Company (2024) cho thấy, Đông Nam Á tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao trong các lĩnh vực số, trong đó Việt Nam là một thị trường đáng chú ý nhờ quy mô người dùng trực tuyến lớn và sự phát triển nhanh của thương mại điện tử, tài chính số và dịch vụ trực tuyến. Bộ Thông tin và Truyền thông (2024) cũng cho thấy, kinh tế số ngày càng có vị trí rõ hơn trong chiến lược phát triển quốc gia.

Ở cấp độ khu vực, ASEAN (2023) xem DEFA là công cụ nhằm xử lý sự phân mảnh trong môi trường số giữa các nước thành viên. Hiệp định này hướng đến việc tạo thuận lợi cho giao dịch điện tử, kết nối thanh toán, định danh số, luân chuyển dữ liệu, an toàn mạng, bảo vệ dữ liệu và hợp tác nhân lực. Như vậy, DEFA không chỉ tác động đến thương mại điện tử mà còn liên quan đến cấu trúc quản trị của nền kinh tế số ASEAN.

Các nghiên cứu hiện nay chủ yếu đề cập đến triển vọng kinh tế số ASEAN hoặc sự phát triển của kinh tế số Việt Nam, trong khi mối liên hệ giữa DEFA và điều kiện triển khai tại Việt Nam còn chưa được phân tích rõ. Vì vậy, bài viết sử dụng lý thuyết hội nhập kinh tế khu vực và mô hình PESTEL để đánh giá DEFA theo các khía cạnh thể chế, thị trường, xã hội, công nghệ, pháp luật và phát triển bền vững. Cách tiếp cận này giúp xác định cơ hội, thách thức và khuyến nghị chính sách phù hợp cho Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

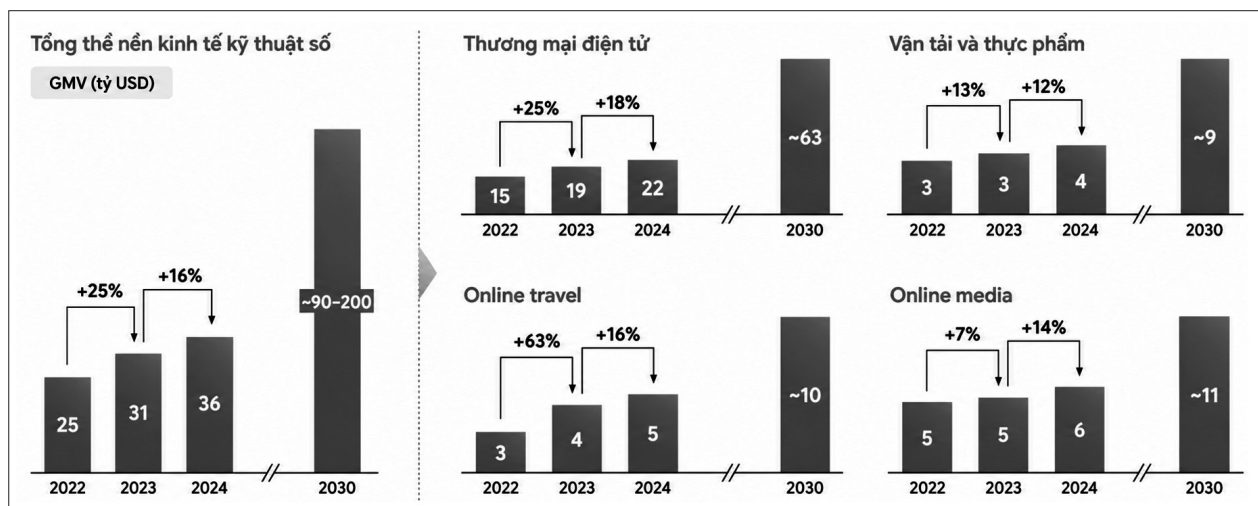
Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính, tập trung vào phân tích tài liệu thứ cấp và đối chiếu chính sách nhằm làm rõ khả năng thích ứng của Việt Nam trước các yêu cầu của DEFA. Dữ liệu được thu thập từ báo cáo của ASEAN, Google, Temasek và Bain & Company, Bộ Thông tin và Truyền thông, cùng các văn bản chính sách của Việt Nam liên quan đến chuyển đổi số, giao dịch điện tử, thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, hạ tầng số và kỹ năng số. Trên cơ sở đó, bài viết hệ thống hóa nội dung trọng tâm của DEFA, phân tích điều kiện triển khai tại Việt Nam theo mô hình PESTEL, sau đó rút ra cơ hội, rủi ro và một số định hướng chính sách phù hợp.

4. Diễn biến và cơ cấu phát triển của kinh tế số Việt Nam

Theo Báo cáo e-Conomy SEA 2024 của Google, Temasek và Bain & Company (2024), nền kinh tế số Việt Nam tiếp tục mở rộng trong giai đoạn 2022 - 2024 với tổng giá trị giao dịch tăng từ 25 tỷ USD lên 36

tỷ USD. Mức tăng này cho thấy, các hoạt động tiêu dùng trên nền tảng số đã trở thành bộ phận quan trọng trong đời sống kinh tế, đặc biệt ở những dịch vụ gắn trực tiếp với nhu cầu hằng ngày của người dân như mua sắm, giải trí, đi lại, du lịch và giao nhận thực phẩm.

Hình 1. Quy mô và triển vọng tăng trưởng nền kinh tế số Việt Nam theo lĩnh vực 2022-2030



Nguồn: Báo cáo e-Economy SEA 2024 của Google, Temasek và Bain & Company (2024)

Trong cơ cấu ngành, thương mại điện tử giữ vị trí nổi bật nhất với 22 tỷ USD năm 2024 chiếm phần lớn giá trị của toàn bộ nền kinh tế số Việt Nam. Quy mô này cao hơn nhiều so với truyền thông trực tuyến 6 tỷ USD, du lịch trực tuyến 5 tỷ USD, vận tải và thực phẩm 4 tỷ USD (Hình 1). Sự khác biệt trên phản ánh vai trò trung tâm của mua sắm trực tuyến trong quá trình số hóa hành vi tiêu dùng. Khi người tiêu dùng quen hơn với việc tìm kiếm sản phẩm, so sánh giá, đặt hàng và thanh toán qua nền tảng số, thương mại điện tử trở thành điểm kết nối giữa nhiều hoạt động khác như quảng cáo trực tuyến, logistics, thanh toán điện tử và phân tích dữ liệu khách hàng.

Các lĩnh vực còn lại tuy có quy mô nhỏ hơn nhưng góp phần làm cho hệ sinh thái số của Việt Nam đa dạng hơn. Truyền thông trực tuyến tăng cùng với nhu cầu nội dung số, quảng cáo số, trò chơi điện tử và các dịch vụ giải trí theo yêu cầu. Du lịch trực tuyến phục hồi nhờ sự trở lại của nhu cầu đi lại và thói quen đặt vé, đặt phòng qua nền tảng số. Vận tải và thực phẩm tiếp tục mở rộng nhờ sự phổ biến của dịch vụ gọi xe, giao hàng và giao đồ ăn, nhất là tại các đô thị lớn. Nhìn chung, các ngành này bổ trợ cho nhau tạo thành một hệ sinh thái tiêu dùng số có tính liên kết ngày càng cao.

Triển vọng đến năm 2030 cho thấy, quy mô thị trường có thể tiếp tục tăng mạnh với tổng giá trị giao dịch được dự báo đạt khoảng 90 tỷ đến 200 tỷ USD. Trong kịch bản này, thương mại điện tử vẫn là trụ cột chính với khoảng 63 tỷ USD, trong khi truyền thông trực tuyến, du lịch trực tuyến, vận tải và thực phẩm lần lượt có thể đạt khoảng 11 tỷ USD, 10 tỷ USD và 9 tỷ USD (Hình 1). Tuy nhiên, để các dự báo này trở thành kết quả thực tế, Việt Nam cần cải thiện chất lượng hạ tầng số, nâng cao năng lực vận hành nền tảng của doanh nghiệp, tăng độ an toàn của giao dịch trực tuyến và hoàn thiện chính sách quản lý đối với các mô hình kinh doanh mới.

Bên cạnh các ngành tiêu dùng số, thanh toán số giữ vai trò nền tảng đối với toàn bộ quá trình vận hành của nền kinh tế số. Năm 2024, tổng giá trị giao dịch thanh toán kỹ thuật số của Việt Nam đạt 149 tỷ USD, tăng 18 phần trăm so với năm 2023. Sự phát triển của ví điện tử, chuyển khoản, thẻ thanh toán và ngân hàng số giúp giao dịch trực tuyến diễn ra nhanh hơn, thuận tiện hơn, đồng thời hỗ trợ trực tiếp cho thương mại điện tử, du lịch trực tuyến, dịch vụ gọi xe, giao đồ ăn và các sản phẩm tài chính số. Khi quy mô thanh

toán tăng nhanh, các yêu cầu về bảo mật, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng chống gian lận và củng cố niềm tin người dùng cũng cần được đặt ở vị trí trung tâm trong chính sách phát triển kinh tế số.

Tổng thể, các số liệu trên cho thấy kinh tế số Việt Nam đang phát triển theo hai hướng song song: mở rộng các dịch vụ tiêu dùng số và củng cố nền tảng giao dịch số. Thương mại điện tử hiện là động lực tăng trưởng nổi bật, còn thanh toán kỹ thuật số đóng vai trò hạ tầng kết nối giữa người tiêu dùng, doanh nghiệp và các dịch vụ trực tuyến. Vì vậy, triển vọng của kinh tế số Việt Nam trong giai đoạn tới sẽ phụ thuộc vào khả năng phát triển đồng bộ giữa thị trường, hạ tầng, năng lực doanh nghiệp, an toàn dữ liệu và chính sách quản lý.

5. Hiệp định Khung về Kinh tế số ASEAN DEFA

Hiệp định Khung về Kinh tế số ASEAN (ASEAN Digital Economy Framework Agreement DEFA) được ASEAN khởi động đàm phán vào ngày 3/9/2023 tại Jakarta, Indonesia, trong khuôn khổ Hội nghị Hội đồng Cộng đồng Kinh tế ASEAN lần thứ 23. Sự ra đời của DEFA phản ánh nhu cầu xây dựng một khuôn khổ chung cho kinh tế số khu vực trong bối cảnh thương mại số, thanh toán điện tử, dữ liệu xuyên biên giới, định danh số và dịch vụ trực tuyến phát triển nhanh. Khi các nước ASEAN còn khác biệt về pháp luật, hạ tầng, tiêu chuẩn công nghệ và năng lực quản trị, DEFA được kỳ vọng giúp tăng tính kết nối giữa các thị trường số, giảm rào cản giao dịch và củng cố niềm tin đối với hoạt động trực tuyến. Về nội dung, DEFA gồm chín nhóm vấn đề cốt lõi: thương mại số, thương mại điện tử xuyên biên giới, thanh toán số, ID số và chữ ký điện tử, an toàn trực tuyến và an ninh mạng, dòng dữ liệu xuyên biên giới và bảo vệ dữ liệu, hợp tác về các chủ đề mới nổi, chính sách cạnh tranh, di chuyển và hợp tác nhân tài. Các nội dung này cho thấy DEFA có phạm vi rộng hơn các sáng kiến thương mại điện tử trước đây do hiệp định này bao quát cả giao dịch số, dữ liệu, công nghệ, nhân lực, cạnh tranh và bảo vệ người dùng. Đồng thời, hiệu quả thực thi DEFA còn phụ thuộc vào năng lực của từng quốc gia thành viên, đặc biệt ở 3 phương diện: hạ tầng và kết nối, đầu tư và đổi mới sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực số. Trên cơ sở đó, bài viết sử dụng mô hình PESTEL để phân tích DEFA như một khuôn khổ tác động đến chính trị, kinh tế, xã hội, công nghệ, pháp lý và môi trường, qua đó đánh giá khả năng Việt Nam tận dụng hiệp định trong tiến trình hội nhập kinh tế số ASEAN.

6. Đánh giá khả năng tận dụng DEFA của Việt Nam theo mô hình PESTEL

Việc tham gia DEFA mở ra cơ hội hội nhập số cho Việt Nam, đồng thời đặt ra yêu cầu nâng cao mức độ sẵn sàng trong nước. Dựa trên mô hình PESTEL, khả năng tận dụng hiệp định có thể được đánh giá qua 6 phương diện: chính trị, kinh tế, xã hội, công nghệ, pháp lý và môi trường.

Về chính trị và thể chế, DEFA tạo sức ép tích cực để Việt Nam cải thiện cơ chế điều phối chính sách kinh tế số. Các cam kết liên quan đến giao dịch điện tử, thanh toán số, định danh điện tử và dữ liệu xuyên biên giới đòi hỏi sự phối hợp giữa nhiều lĩnh vực như thương mại, tài chính, viễn thông, an ninh mạng, thuế và lao động. Nếu cơ chế liên ngành được tổ chức hiệu quả, Việt Nam có thể giảm tình trạng phân tán trong quản lý và chủ động hơn khi thực thi các cam kết số khu vực.

Về kinh tế, DEFA giúp doanh nghiệp Việt Nam mở rộng hoạt động trên thị trường ASEAN thông qua việc giảm chi phí giao dịch, đơn giản hóa chứng từ điện tử và tăng khả năng kết nối thanh toán trực tuyến. Lợi ích này đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhóm còn hạn chế về vốn, nhân lực công nghệ, hiểu biết pháp lý và năng lực vận hành nền tảng. Vì vậy, khả năng chuyển hóa cơ hội thành kết quả thực tế phụ thuộc lớn vào các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong thương mại số xuyên biên giới.

Về xã hội, DEFA có thể thúc đẩy hợp tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực số trong ASEAN. Việt Nam có thể khai thác các chương trình chia sẻ chuyên môn để nâng cao kỹ năng về phân tích dữ liệu, an toàn thông tin, phát triển phần mềm, thương mại điện tử và quản trị nền tảng. Tuy nhiên, khoảng cách tiếp

cận công nghệ giữa các nhóm dân cư vẫn là vấn đề cần xử lý, đặc biệt đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa, người cao tuổi, người khuyết tật, lao động phổ thông và nhóm thu nhập thấp.

Về công nghệ, DEFA có thể thúc đẩy đầu tư vào các nền tảng thiết yếu như 5G, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, logistics số, thanh toán số và công nghệ tài chính. Các nền tảng này giúp nâng cao năng lực xử lý dữ liệu, vận hành giao dịch xuyên biên giới và kết nối dịch vụ số trong khu vực. Tuy vậy, Việt Nam vẫn cần cải thiện mức độ liên thông dữ liệu, chuẩn hóa hệ thống và mở rộng độ phủ của các dịch vụ số tại những khu vực còn hạn chế về hạ tầng.

Về pháp lý và quản trị dữ liệu, DEFA đưa Việt Nam đến gần hơn với các chuẩn mực khu vực về bảo vệ dữ liệu cá nhân, dòng dữ liệu xuyên biên giới, an ninh mạng, định danh số và cạnh tranh trên nền tảng. Khung pháp lý rõ ràng sẽ giúp tăng niềm tin của người tiêu dùng, doanh nghiệp và nhà đầu tư. Thách thức đặt ra là chính sách cần theo kịp tốc độ đổi mới công nghệ, đồng thời bảo vệ người dùng và vẫn tạo điều kiện cho các mô hình kinh doanh mới phát triển.

Về môi trường, phát triển kinh tế số theo DEFA cần gắn với yêu cầu tăng trưởng xanh. Trung tâm dữ liệu tiết kiệm năng lượng, logistics thông minh, đô thị thông minh và ứng dụng công nghệ trong quản lý tài nguyên có thể giúp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Ngược lại, nếu thiếu tiêu chuẩn môi trường cho hạ tầng số, quá trình mở rộng dữ liệu và dịch vụ trực tuyến có thể làm gia tăng áp lực về điện năng, phát thải và rác thải điện tử.

Tổng thể, PESTEL cho thấy DEFA tác động đến Việt Nam trên nhiều tầng: quản trị, thị trường, con người, công nghệ, pháp luật và môi trường. Vì vậy, khả năng tận dụng hiệp định phụ thuộc vào việc Việt Nam có thể nâng cấp đồng bộ các năng lực này hay chỉ xử lý từng vấn đề riêng lẻ. Cách tiếp cận phù hợp là xem DEFA như một động lực cải cách kinh tế số quốc gia, trong đó chính sách, hạ tầng, nhân lực, dữ liệu và tiêu chuẩn xanh cần được triển khai gắn kết.

7. Khuyến nghị và kết luận

Trên cơ sở các cơ hội và rào cản đã được nhận diện theo mô hình PESTEL, phân khuyến nghị tập trung vào những giải pháp giúp Việt Nam nâng cao mức độ sẵn sàng khi tham gia DEFA. Các đề xuất được trình bày theo 6 phương diện của PESTEL nhằm bảo đảm tính thống nhất giữa khung phân tích, nội dung đánh giá và định hướng chính sách.

Về chính trị (Political), Việt Nam cần thiết lập cơ chế điều phối liên ngành về kinh tế số với sự tham gia của các cơ quan phụ trách thương mại, tài chính, viễn thông, dữ liệu, an ninh mạng, thuế và lao động. Cơ chế này có vai trò bảo đảm các cam kết DEFA được triển khai thống nhất, giảm chồng chéo trong quản lý và nâng cao khả năng phản ứng chính sách trước các thay đổi của kinh tế số khu vực.

Về kinh tế (Economic), cần hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tham gia sâu hơn vào thị trường số ASEAN. Các chính sách hỗ trợ nên tập trung vào tư vấn pháp lý, đào tạo xuất khẩu trực tuyến, kết nối thanh toán xuyên biên giới, khai thác dữ liệu khách hàng và nâng cao năng lực vận hành nền tảng số. Bên cạnh đó, chính sách thuế đối với dịch vụ số cần minh bạch, dễ dự đoán và phù hợp với xu hướng hợp tác khu vực.

Về xã hội (Social), Việt Nam cần mở rộng các chương trình đào tạo kỹ năng số theo từng nhóm đối tượng. Người lao động cần được đào tạo lại để thích ứng với tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và các mô hình việc làm mới. Doanh nghiệp nhỏ cần được hỗ trợ kỹ năng thương mại điện tử, bảo mật cơ bản và quản trị dữ liệu. Người dân cần được trang bị kỹ năng sử dụng dịch vụ số an toàn, nhất là các nhóm còn hạn chế về khả năng tiếp cận công nghệ.

Về công nghệ (Technological), cần ưu tiên phát triển hạ tầng số có khả năng kết nối khu vực, bao gồm mạng băng rộng, 5G, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, thanh toán số và hệ thống dữ liệu dùng chung.

Việc huy động nguồn lực công và tư cần đi cùng cơ chế chia sẻ hạ tầng, nhằm mở rộng độ phủ dịch vụ số tại khu vực nông thôn, miền núi và các địa bàn còn yếu về kết nối.

Về pháp lý (Legal), Việt Nam cần rà soát và hoàn thiện các quy định liên quan đến giao dịch điện tử, thương mại điện tử, định danh số, dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, cạnh tranh trên nền tảng và chuyển dữ liệu xuyên biên giới. Khung pháp lý cần đủ rõ để bảo vệ người dùng, tạo niềm tin cho nhà đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp triển khai dịch vụ số trong môi trường ASEAN.

Về môi trường (Environmental), phát triển kinh tế số cần gắn với tiêu chuẩn xanh. Các dự án trung tâm dữ liệu, mạng viễn thông, logistics thông minh và hạ tầng điện toán cần chú trọng tiết kiệm năng lượng, quản lý phát thải và xử lý rác thải điện tử. Điều này giúp quá trình số hóa phù hợp hơn với mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

Nhìn chung, DEFA đặt Việt Nam trước yêu cầu chuyển đổi từ tư duy tham gia thị trường số sang tư duy kiến tạo năng lực số quốc gia. Giá trị của hiệp định không chỉ nằm ở cơ hội mở rộng giao dịch trong ASEAN mà còn ở áp lực cải cách thể chế, nâng cấp hạ tầng, phát triển nhân lực, hoàn thiện quản trị dữ liệu và thúc đẩy tăng trưởng xanh. Vì vậy, nếu các trụ cột PESTEL được cải thiện đồng bộ, DEFA có thể trở thành động lực giúp Việt Nam củng cố vị thế trong kinh tế số khu vực và phát triển theo hướng cạnh tranh, bao trùm và an toàn hơn ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Thông tin và Truyền thông. (2024). Báo cáo tóm tắt chuyển đổi số quốc gia năm 2024. <https://storage-vnportal.vnpt.vn/lci-ubndresponsive/6223/quanlydieuhanh/bc%20c%C4%91s%202024.pdf>

Ngô Thị Hải Xuân. (2024). Kinh tế số Việt Nam: Tiềm năng từ Hiệp định khung về Kinh tế số ASEAN. Trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Kinh tế, Luật và Chính sách công nghệ số: Động lực phát triển quốc gia trong kỷ nguyên vươn mình. Viện Nghiên cứu Chính sách và Phát triển truyền thông & Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước

ASEAN. (2000). e-ASEAN framework agreement. <https://agreement.asean.org/media/download/20140119121135.pdf>

ASEAN. (2018). ASEAN agreement on electronic commerce. <https://agreement.asean.org/media/download/20190306035048.pdf>

Boston Consulting Group. (2024). Study on the ASEAN digital economy framework agreement (DEFA) version 2.0. https://asean.org/wpcontent/uploads/2024/11/DEFA-Report-public-summary-expanded_Final_25112024.pdf

Google, Temasek & Bain & Company. (2024). e-Conomy SEA 2024. https://services.google.com/fh/files/misc/e_conomy_sea_2024_report.pdf